TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 07-01-2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Nghiệp
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Thanh Hải
Ông Huỳnh Văn Chính

- Thư ký phiên tòa: Bà Thạch Sơn Hà, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Nguyệt Hân - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 188/2024/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2024 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 254/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Kim Tô Thị T, sinh năm 1997 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã L, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:* Anh Danh Quốc C, sinh năm 1993 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp S, thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 08/7/2024 của nguyên đơn chị Kim Tô Thị T trình bày:

Chị và anh Danh Quốc C tổ chức tiệc cưới vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn ngày 27/9/2018 tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, nay chị muốn kết thúc mối quan hệ hôn nhân này nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Danh Quốc C. Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Danh Thị Bích T1, sinh ngày 08/11/2018 hiện đang sống cùng chị, chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến khi con đủ 18 tuổi, không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Bị đơn anh Danh Quốc C vắng mặt, không có lời trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa nêu quan điểm:

Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho chị Kim Tô Thị T được ly hôn với anh Danh Quốc C. Về con chung, giao chị Kim Tô Thị T được quyền nuôi dưỡng con chung. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không giải quyết do đương sự không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp được pháp luật điều chỉnh tại các Điều 51, 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Trị theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Phiên toà đã mở lần thứ hai, nguyên đơn chị Kim Tô Thị T có đơn xin vắng mặt, bị đơn anh Danh Quốc C vắng mặt không lý do, căn cứ Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ trích lục kết hôn số 284/TLKH-BS ngày 08/7/2014 của Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng thể hiện: Vào ngày 27/9/2018 chị Kim Tô Thị T và anh Danh Quốc C có đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện, do vậy hôn nhân này là hợp pháp.

Theo nguyên đơn chị T trình bày thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng thời gian về sau thường xuyên xảy ra mâu thuẫn cãi vã, vợ chồng nhiều lần hàn gắn nhưng không có kết quả nên đã sống ly thân từ năm 2019 đến nay, nay chị

muốn kết thúc mối quan hệ hôn nhân này nên chị yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Danh Quốc C.

Anh C đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án, biết được việc chị T xin ly hôn nhưng đến nay vẫn không trực tiếp phản hồi ý kiến, yêu cầu cho Tòa án. Tòa án đã tiến hành mời hòa giải nhưng anh C vẫn vắng mặt không lý do.

Theo biên bản xác minh ngày 06/01/2025 đối với ông Danh H là cha ruột anh C trình bày anh C cho biết đồng ý việc ly hôn với chị T và đồng ý giao con cho chị T nuôi dưỡng, việc cấp dưỡng nuôi con, tài sản và nợ chung đều không yêu cầu giải quyết.

Tại đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt chị T giữ vững yêu cầu ly hôn nên càng khẳng định quyết tâm và nguyện vọng của chị là muốn được ly hôn với anh C. Việc nam nữ đăng ký kết hôn với nhau xuất phát từ mong muốn tìm kiếm hạnh phúc trong cuộc sống gia đình. Tuy nhiên, nếu hôn nhân không như mong muốn, không còn hạnh phúc trong cuộc sống vợ chồng thì ly hôn chính là giải pháp cho cả hai, nên không thể bắt buộc chị T phải tiếp tục chung sống với anh C nếu như chị không còn tình cảm.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, giải quyết cho chị T được ly hôn với anh C.

[3] Về con chung: Căn cứ theo bản sao giấy khai sinh số 1029/2018 của UBND thị trấn H, huyện T, tỉnh Sóc Trăng và lời trình bày của nguyên đơn thể hiện, quá trình chung sống chị T và anh C có 01 người con chung tên Danh Thị Bích T1, sinh ngày 08/11/2018, hiện con đang sống cùng chị T. Tại đơn khởi kiện chị T yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu anh C cấp dưỡng. Anh C không phản hồi trực tiếp ý kiến cho Tòa án về quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, hiện nay cháu T1 đang sống cùng chị T ổn định về chỗ ở và môi trường sống, nên cần thiết giao con chung cho chị T tiếp tục nuôi dưỡng là đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và phù hợp quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T giao con chung cháu T1 cho chị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi. Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Việc cấp dưỡng nuôi con đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp, chị T đã nộp xong án phí.

[6] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị là có căn cứ pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Kim Tô Thị T được ly hôn với anh Danh Quốc C.

2. Về quyền nuôi con: Giao chị Kim Tô Thị T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Danh Thị Bích T1, sinh ngày 08/11/2018 đến khi con thành niên (đủ 18 tuổi). Anh Danh Quốc C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con, đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết do đương sự không có yêu cầu.

4. Án phí sơ thẩm: Chị Kim Tô Thị T nộp án phí số tiền 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0004076 ngày 15/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng, chị T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với người vắng mặt kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy ban nhân dân nơi đương sự cư trú để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự. (Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

- UBND thị trấn H;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thành Nghiệp